

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 79/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 10 - 2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Sơn

Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/10/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **H**, sinh năm 1970 (xin vắng)

Địa chỉ: Ấp H, xã GH, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **M**, sinh năm 1970 (xin vắng)

Địa chỉ: Tổ M, Khóm B, phường V, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2024 của nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H và anh M tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn và mỗi người có cuộc sống riêng nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Thời gian chung sống có 02 con chung là N, sinh năm 1992 và T, sinh năm 1998 hiện nay đã trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 23/10/2024 bị đơn anh M trình bày:*

Anh M thống nhất lời trình bày trên của chị H về quá trình hình thành hôn nhân cũng như về con chung. Trong quá trình chung sống thì anh M và chị H không có tài sản chung và nợ chung.

Qua yêu cầu khởi kiện của chị H thì anh M đồng ý ly hôn với chị H. Khi ly hôn, về con chung đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc thì bị đơn cư trú tại thị xã Bình Minh Minh, tỉnh Vĩnh Long nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/10/2024, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh M tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 1989 nhưng cho đến nay thì chị H và anh M vẫn không có đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Chị H và anh M chung sống với nhau có 02 con chung là N, sinh năm 1992 và T, sinh năm 1998. Hiện nay thì 02 con chung đều trưởng thành và đã có gia đình riêng nên chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị H và anh M đều khai trong quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là vợ chồng.

1.2. Về con chung: N, sinh năm 1992 và T, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012936 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, nên chị H không phải nộp thêm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị H và anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của đ/s;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa

